

ĐIỀU CHỈNH NHIỆM VỤ CHI ĐẦU TƯ NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số..... /TTr-UBND ngày/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đvt: Đồng

| STT | Đơn vị | Tổng dự toán đã giao | Nhu cầu vốn còn phải thực hiện từ nay đến hết niên độ ngân sách năm 2021 | Kinh phí điều chỉnh | | Hủy dự toán | Sau điều chỉnh | Ghi chú |
|------------------------|--|------------------------|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|
| | | | | Điều chỉnh tăng | Điều chỉnh giảm | | | |
| Tổng cộng (A+B) | | 15 .225.152.269 | 13 .092.372.731 | 2 .136.408.568 | 2 .136.408.568 | 2 .132.779.538 | 13 .092.372.731 | |
| A | Kế hoạch vốn năm 2021 | 5 .433.338.740 | 5 .433.338.740 | 1 .232.831.642 | 1 .232.831.642 | - | 5 .433.338.740 | |
| I | Nguồn vốn phân cấp cân đối theo tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND tỉnh | 1 .342.000.000 | 1 .342.000.000 | 228 .000.000 | 228 .000.000 | - | 1 .342.000.000 | |
| 1 | Ban QL ĐT&XD huyện | 1 .342.000.000 | 1 .342.000.000 | 228 .000.000 | 228 .000.000 | - | 1 .342.000.000 | |
| - | Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa –Thể thao –Du lịch và Truyền thông | 100 .000.000 | 88 .000.000 | | 12 .000.000 | | 88 .000.000 | |
| - | Công trình Đường ĐĐT22 (N32-N33) | 200 .000.000 | 129 .000.000 | | 71 .000.000 | | 129 .000.000 | |
| - | Công trình Đường ĐĐT23 (N34-N35) | 200 .000.000 | 127 .000.000 | | 73 .000.000 | | 127 .000.000 | |
| - | Công trình Đường ĐĐT24 (N37-N36) | 200 .000.000 | 128 .000.000 | | 72 .000.000 | | 128 .000.000 | |
| - | Công trình Đường ĐĐT37 (N7-N75) | 642 .000.000 | 870 .000.000 | 228 .000.000 | | | 870 .000.000 | |
| II | Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT) | 2 .630.000.000 | 2 .630.000.000 | 279 .000.000 | 279 .000.000 | - | 2 .630.000.000 | |
| 1 | Ban QL ĐT&XD huyện | 2 .630.000.000 | 2 .630.000.000 | 279 .000.000 | 279 .000.000 | - | 2 .630.000.000 | |
| - | Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ) | 500 .000.000 | 221 .000.000 | | 279 .000.000 | | 221 .000.000 | |
| - | Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ) | 2 .130.000.000 | 2 .409.000.000 | 279 .000.000 | | | 2 .409.000.000 | |
| III | Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối | 1 .461.338.740 | 1 .461.338.740 | 725 .831.642 | 725 .831.642 | - | 1 .461.338.740 | |
| 1 | Ban QL ĐT&XD huyện | 1 .461.338.740 | 1 .461.338.740 | 725 .831.642 | 725 .831.642 | - | 1 .461.338.740 | |
| - | Công trình Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV (Thôn 1, thôn 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai) | 1 .461.338.740 | 735 .507.098 | | 725 .831.642 | | 735 .507.098 | Công trình đã quyết toán |
| - | Công trình Đường ĐĐT37 (N7-N75) | - | 725 .831.642 | 725 .831.642 | | | 725 .831.642 | |
| B | Kế hoạch vốn năm 2020 chuyển qua năm 2021 | 9 .791.813.529 | 7 .659.033.991 | 903 .576.926 | 903 .576.926 | 2 .132.779.538 | 7 .659.033.991 | |
| I | Nguồn phân cấp đầu tư các công trình cấp bách | 2 .903.456.000 | 2 .903.456.000 | 903 .576.926 | 903 .576.926 | - | 2 .903.456.000 | |
| 1 | Ban QL ĐT&XD huyện | 2 .903.456.000 | 2 .903.456.000 | 903 .576.926 | 903 .576.926 | | 2 .903.456.000 | |

| STT | Đơn vị | Tổng dự toán đã giao | Nhu cầu vốn còn phải thực hiện từ nay đến hết niên độ ngân sách năm 2021 | Kinh phí điều chỉnh | | Hủy dự toán | Sau điều chỉnh | Ghi chú |
|------------|--|----------------------|--|---------------------|-----------------|----------------------|----------------------|---|
| | | | | Điều chỉnh tăng | Điều chỉnh giảm | | | |
| - | Cầu Draï (đường giao thông nối trung tâm hành chính huyện với đường tuần ra biên giới tại khu vực Hồ Le) | 2.903.456.000 | 1.999.879.074 | | 903.576.926 | | 1.999.879.074 | |
| - | Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị) | | 903.576.926 | 903.576.926 | | | 903.576.926 | |
| II | Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu | 1.080.000.000 | 1.057.936.000 | - | - | 22.064.000 | 1.057.936.000 | |
| 1 | Ban QL ĐT&XD huyện | 1.080.000.000 | 1.057.936.000 | - | - | 22.064.000 | 1.057.936.000 | |
| - | Hệ thống nước sạch các trường học trên địa bàn huyện Ia H'Drai | 1.080.000.000 | 1.057.936.000 | | | 22.064.000 | 1.057.936.000 | Hết nhiệm vụ chi |
| III | Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối | 5.808.357.529 | 3.697.641.991 | - | - | 2.110.715.538 | 3.697.641.991 | |
| 1 | Ban QL ĐT&XD huyện | 5.808.357.529 | 3.697.641.991 | - | - | 2.110.715.538 | 3.697.641.991 | |
| - | Dự án: Chợ trung tâm huyện | 2.935.343.412 | 1.165.706.991 | | | 1.769.636.421 | 1.165.706.991 | Hết nhiệm vụ chi, đề nghị phân bổ lại khi thực hiện giai đoạn 2 |
| - | Dự án mở rộng Quốc lộ 14C (đoạn từ N2-N5) | 2.673.014.117 | 2.531.935.000 | | | 141.079.117 | 2.531.935.000 | Hết nhiệm vụ chi. |
| - | Đường giao thông từ trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Draï đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le | 100.000.000 | | | | 100.000.000 | | Đề nghị phân bổ năm 2022 thực hiện |
| - | Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơi | 100.000.000 | | | | 100.000.000 | | Đề nghị phân bổ năm 2022 thực hiện |